| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 620/2025/QĐST-HNGĐ | *Bình Chánh, ngày 27 tháng 6 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 445/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/7/1981; số căn cước công dân: 086181012510; địa chỉ: Số 10.15 Khối B, chung cư CC1-B, khu nhà ở N, ấp 22, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Trọng T, sinh ngày 01/3/1982; số căn cước công dân: 051082016774; địa chỉ thường trú: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2025, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Trọng T thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao con chung trẻ Trần Anh T1, sinh ngày 02/9/2009, trẻ Trần Anh D, sinh ngày 02/9/2009 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Trần Anh T2, sinh ngày 15/6/2013 cho ông Trần Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D, ông T không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Trọng T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Trọng T cùng chịu lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Trọng T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 1/2009 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/8/2009 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Giao con chung trẻ Trần Anh T1, sinh ngày 02/9/2009, trẻ Trần Anh D, sinh ngày 02/9/2009 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Trần Anh T2, sinh ngày 15/6/2013 cho ông Trần Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D, ông T không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Trọng T có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Trọng T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Trọng T chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24P, số: 0052575 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (12).

**THẨM PHÁN**




**Phạm Thị Tuyết**